

Nâng cao năng lực cạnh tranh của điểm đến du lịch Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế

TS. NGUYỄN ĐÌNH HÒA

Qua hơn 20 năm đổi mới và quá trình chủ động hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới nền kinh tế VN đã đạt được những thành tựu quan trọng có ý nghĩa lịch sử đã làm thay đổi cả thể và lực của nước ta trên trường quốc tế. Bên cạnh những cơ hội và thuận lợi to lớn để phát triển thì chúng ta đang đứng trước những thách thức rất lớn đó là áp lực cạnh tranh đối với nền kinh tế nói chung trong đó có ngành du lịch nói riêng. Trong khu vực, một số nước có ngành du lịch phát triển như Malaysia, Thái Lan và Singapore đã trở thành những điểm đến thành công và có thương hiệu trên thị trường du lịch thế giới và trở thành đối thủ cạnh tranh trực tiếp đối với điểm đến du lịch VN. Năng lực cạnh tranh điểm đến là một khái niệm còn khá mới mẻ ở VN cả về mặt lý luận và thực tiễn. Với bài viết này tác giả sẽ góp phần làm rõ khái niệm năng lực cạnh tranh điểm đến và thực trạng năng lực cạnh tranh điểm đến của du lịch VN theo những tiêu chí của Diễn đàn kinh tế thế giới WEF so với một số nước trong khu vực như Malaysia, Thái Lan và Singapore từ đó đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh điểm đến của du lịch VN.

Trong thời gian gần đây, nghiên cứu đánh giá về năng lực cạnh tranh trong ngành du lịch ngày càng thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu du lịch trên thế giới vì nó được coi là một trong những nhân tố quan trọng dẫn đến thành công của các điểm đến du lịch. Những công trình nghiên cứu thành công về cạnh tranh và năng lực cạnh tranh trong ngành du lịch của các học giả nổi tiếng như Geoffrey I. Crouch and J.R.Brent Ritchie: Với các tác phẩm như “Điểm đến cạnh tranh- Triển vọng du lịch bền vững” (The competitive destination-sustainable tourism perspective); “Du lịch, tính cạnh tranh và của cải xã hội” (Tourism, competitiveness and societal property – Journal of Business Research 1999-2006).

Năm 2004, Hội đồng du lịch và lữ hành thế giới

(WTTC) lần đầu tiên đã công bố kết quả của một công trình nghiên cứu đánh giá về năng lực cạnh tranh du lịch của 212 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới. Kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh này đã góp phần thúc đẩy và khuyến khích nhiều nước quan tâm phát triển du lịch, tìm kiếm những giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành du lịch quốc gia của mình. Tuy vậy, sau vài năm được đón nhận và sử dụng tại nhiều nước trên thế giới, các chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch của WTTC đã bộc lộ những hạn chế nhất định. Do đó sau khi WTTC trao đổi, thảo luận với diễn đàn kinh tế thế giới (WEF), hai tổ chức này đã xây dựng lại các chỉ số năng lực cạnh tranh du lịch mới để giúp cho các Chính phủ và ngành du lịch đánh giá chính xác hơn về năng lực cạnh tranh cũng như tiềm năng phát triển du lịch của quốc gia mình trong quy mô toàn cầu. Trên cơ sở thống nhất với WTTC, năm 2007 WEF đã công bố công trình nghiên cứu năng lực cạnh tranh về lữ hành và du lịch của 124 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Tại VN vấn đề năng lực cạnh tranh của nền kinh tế cho đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu nhưng bàn về năng lực cạnh tranh của điểm đến du lịch VN cho đến nay có rất ít. Năm 2006 nhóm tác giả của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã bảo vệ đề tài “Khả năng cạnh tranh và tác động của tự do hóa ngành du lịch” trong khuôn khổ của dự án “Tăng cường năng lực quản lý và xúc tiến các hoạt động thương mại dịch vụ của VN trong bối cảnh hội nhập” (Vie/02/009) do Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc VN tài trợ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan điều hành. Đề tài này chủ yếu đánh giá tác động của tự do hóa ngành du lịch đến khả năng cạnh tranh của du lịch VN và đánh giá rất khái quát về năng lực cạnh tranh của du lịch VN. Còn làm thế nào để nâng cao khả năng cạnh tranh của điểm đến du lịch VN thì chưa có các giải pháp một cách hệ thống và toàn diện.

Tổng quan về năng lực cạnh tranh ngành du lịch

Hàng năm có hai báo cáo đáng chú ý nhất về nghiên cứu và theo dõi khả năng cạnh tranh toàn cầu của các quốc gia: Báo cáo cạnh tranh toàn cầu WEF và Niên giám cạnh tranh thế giới (WCY) của Viện Nghiên cứu Phát triển Quản lý Quốc tế (IMD). Khả năng cạnh tranh thường được định nghĩa trong một phạm vi nhất định của một nghiên cứu và có thay đổi tùy vào quy mô và mục đích nghiên cứu và cách tiếp cận của các nhà phân tích. WEF hiện nay định nghĩa khả năng cạnh tranh “là tập hợp các yếu tố nguồn lực, các chính sách và thể chế xác định năng suất lao động của một quốc gia và do đó xác định mức độ thịnh vượng có thể đạt tới của một nền kinh tế.” [1]. IMD lại định nghĩa khả năng cạnh tranh của các quốc gia là “một phạm trù nghiên cứu của kinh tế học, trong đó phân tích các yếu tố và chính sách hình thành thành khả năng một quốc gia có thể tạo ra và duy trì một môi trường bền vững có khả năng tạo ra giá trị mới cho các doanh nghiệp và tạo ra nhiều của cải hơn cho các công dân của nền kinh tế đó.” [2]. Tác phẩm “Điểm đến cạnh tranh- Triển vọng du lịch bền vững” (2003) của Crouch và Ritchie là tác phẩm chi tiết nhất được thực hiện bởi các nhà nghiên cứu du lịch về khả năng cạnh tranh của toàn bộ ngành du lịch. Crouch và Ritchie cho rằng điểm đến có khả năng cạnh tranh nếu “sự phát triển du lịch của nó là bền vững, không chỉ về khía cạnh kinh tế, sinh thái, mà cả về khía cạnh xã hội, văn hoá và chính trị”. Crouch và Ritchie tập trung vào sự thịnh vượng của nền kinh tế trong dài hạn như là tiêu chuẩn để đánh giá khả năng cạnh tranh của điểm đến. Do đó, “điểm đến có khả năng cạnh tranh nhất là điểm đến có thể tạo ra sự thịnh vượng bền vững cho dân cư một cách hiệu quả nhất.”

Từ sự phân tích ở trên chúng ta có thể đưa ra một khái niệm về năng lực cạnh tranh của một điểm đến du lịch như sau: Năng lực cạnh tranh của điểm đến là tập hợp các yếu tố nguồn lực như tài nguyên tự nhiên, tài nguyên nhân văn, cơ sở vật chất kỹ thuật, tài chính, các chính sách, thể chế và con người của một điểm đến tạo ra một hình ảnh về sự phát triển du lịch bền vững, có hiệu quả, hình thành nên khả năng hấp dẫn thu hút khách du lịch và đáp ứng làm thỏa mãn nhu cầu của họ một cách tốt nhất.

Các chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh của điểm đến du lịch

Crouch và Ritchie đánh giá toàn bộ kết quả hoạt

động của điểm đến bằng 4 chỉ tiêu: i) Kết quả hoạt động kinh tế; ii) Tính bền vững; iii) Sự hài lòng của khách du lịch; iv) Hoạt động quản lý và sử dụng một số chỉ số dựa trên bốn yếu tố này để xác định khả năng cạnh tranh của điểm du lịch. Ví dụ, một số chỉ tiêu như tổng chi tiêu của khách du lịch, tỷ lệ thù lao cho một người lao động trong lĩnh vực du lịch đối với toàn bộ thù lao cho người lao động, sự dễ dàng thành lập doanh nghiệp kinh doanh liên quan đến du lịch, GDP từ lữ hành và du lịch so với tổng GDP có thể được sử dụng để chỉ ra kết quả hoạt động kinh tế của khu vực này. Tương tự như vậy, bảo tồn sự nguyên vẹn của môi trường sinh thái, khả năng dân cư có thể sử dụng hạ tầng du lịch, mức độ hỗ trợ chính trị đối với các nỗ lực của ngành du lịch, các khoản thuế thu được từ chi tiêu du lịch có thể được sử dụng để đo sự bền vững. Sự hài lòng của khách du lịch có thể được đánh giá bằng sự hài lòng đối với tất cả chất lượng dịch vụ tại điểm đến. Hoạt động quản lý được chỉ ra bằng chất lượng của việc tham gia vào chương trình phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ, sự hài lòng với các hướng dẫn về điểm đến giúp khách lập kế hoạch chuyến đi, số lượng các sự kiện đặc biệt có chất lượng.

Số liệu để đánh giá 4 chỉ số này sẽ được dựa trên dữ liệu thứ cấp và các dữ liệu điều tra. Khó khăn lớn nhất khi nghiên cứu đánh giá khả năng cạnh tranh, chính là cần có một tập hợp dữ liệu chuẩn để có thể so sánh được giữa các nước. Việc tiến hành điều tra để thu thập một bộ dữ liệu hoàn chỉnh về vấn đề này là không thể thực hiện được với phạm vi của nghiên cứu này. Do đó, tác giả chỉ dựa vào những số liệu thứ cấp đã được sử dụng chủ yếu bởi các nghiên cứu quốc tế và các tổ chức phát triển khác. Tùy thuộc vào mục tiêu nghiên cứu, khả năng cạnh tranh có thể được xem xét ở ba cấp độ cạnh tranh khác nhau (cấp doanh nghiệp, cấp ngành quốc gia, và cấp nền kinh tế quốc gia). Trong nghiên cứu này, tác giả chỉ đề cập cạnh tranh ở cấp ngành quốc gia và điểm đến quốc gia.

Trong khuôn khổ phân tích của mô hình cạnh tranh ngành quốc gia của Porter về các yếu tố có ảnh hưởng tới khả năng cạnh tranh của một ngành, các điều kiện về nguồn lực sẵn có là một trong bốn yếu tố xác định khả năng cạnh tranh của một ngành. Trong Bảng 1 chúng ta có thể thấy 7 chỉ tiêu để đánh giá lợi thế cạnh tranh của ngành du lịch. Trong phần này, chúng ta sẽ đánh giá các nguồn lực có khả năng ảnh hưởng tới sức cạnh tranh của ngành du lịch VN trên cơ sở so sánh với một số đối thủ cạnh tranh chính của

Bảng 1: Phân tích khả năng cạnh tranh ở các cấp độ cạnh tranh khác nhau

Cấp doanh nghiệp (Năm lực lượng cạnh tranh của Porter)	Cạnh tranh ngành quốc gia (Mô hình Kim cương của Porter)	Nền kinh tế quốc gia (WEF-GCR, IMD-GCY)
- Các đối thủ cạnh tranh hiện tại - Các đối thủ cạnh tranh tiềm năng - Các nhà cung cấp thay thế - Quyền mặc cả của nhà cung cấp - Quyền mặc cả người mua	- Chiến lược công ty, cấu trúc ngành và đối thủ cạnh tranh - Các điều kiện cạnh tranh - Các điều kiện cầu - Các ngành hỗ trợ và có liên quan	- Quy mô kinh tế - Nguồn nhân lực - Nguồn vốn - Nguồn công nghệ - Cơ sở hạ tầng - Cạnh tranh và Mở cửa - Quản lý chính phủ - Quản trị doanh nghiệp

VN trong khu vực như Malaysia, Singapore và Thái Lan. Số liệu sơ cấp thu được thông qua điều tra sẽ giúp chúng ta hiểu được đánh giá của khách du lịch, dân cư, và các doanh nghiệp về khả năng cạnh tranh của ngành du lịch VN. Số liệu sơ cấp sẽ xem xét liệu đánh giá của khách du lịch, dân cư, và các doanh nghiệp có được minh chứng bằng những con số cụ thể hay không.

Số liệu thu được từ Bảng theo dõi khả năng cạnh tranh do Hội đồng Du lịch và Lữ hành Thế giới thực hiện có thể được sử dụng để đánh giá lợi thế so sánh của VN so với các nước trong khu vực. WTTC đã ghi lại số liệu về 8 tiêu chí bao gồm i) Chỉ số nhân lực du lịch, ii) Chỉ số cạnh tranh giá, iii) Chỉ số phát triển cơ sở hạ tầng, iv) Chỉ số môi trường, v) Chỉ số về tiến bộ công nghệ, vi) Chỉ số về nguồn nhân lực, vii) Chỉ số về tính mở và viii) Chỉ số về phát triển xã hội. Trừ các chỉ số về cạnh tranh giá, và chỉ số môi trường sẽ được sử dụng trong phần đánh giá về khả năng sử dụng nguồn lực, sáu chỉ số còn lại có thể được sử dụng để đánh giá lợi thế so sánh ngành du lịch của các nước trong khu vực. Nhưng có lẽ chúng ta sẽ sử dụng kết quả nghiên cứu về khả năng cạnh tranh về lữ hành và du lịch của WEF cuối năm 2007 để phân tích khả năng cạnh tranh của điểm đến du lịch VN vì báo

cáo này được cộng đồng quốc tế quan tâm và hưởng ứng nhiều nhất. Báo cáo về năng lực cạnh tranh lữ hành và du lịch của WEF (The Travel and Tourism Competitiveness Report- TTCR) đã xác định lữ hành và du lịch là một trong những ngành kinh tế lớn nhất của thế giới chiếm 10,3 % GDP của thế giới cung cấp 234 triệu việc làm chiếm 8,2 % tổng số việc làm của thế giới. Tại các nước đang phát triển tầm quan trọng của ngành du lịch ngày càng được đề cao và mở rộng phát triển về nông thôn tạo công ăn việc làm cho người lao động. Báo cáo TTCR đã xem xét ngành kinh tế du lịch của 124 nước với ba phạm trù lớn bao gồm: khung pháp lý (chính sách và luật pháp, các quy định về an ninh, an toàn, ưu tiên của chính phủ về phát triển du lịch); môi trường kinh doanh và cơ sở hạ tầng (giao thông đường không, giao thông mặt đất, cơ sở hạ tầng du lịch, cơ sở hạ tầng thông tin và khả năng cạnh tranh về giá; nguồn lực về con người, văn hóa và nguồn lực tự nhiên (nguồn nhân lực, cảm nhận và nhận thức về du lịch quốc gia, nguồn lực tự nhiên và văn hóa) được thể hiện trong Bảng 2 sau đây:

Theo kết quả ở Bảng 2 chúng ta thấy về thể chế và khuôn khổ điều tiết không những tại khu vực mà trên phạm vi toàn cầu Singapore có năng lực cạnh

Bảng 2: Bảng sắp xếp năng lực cạnh tranh về du lịch trên 124 nước năm 2007

Quốc gia	Tổng sắp	Khung pháp lý	Môi trường kinh doanh và cơ sở hạ tầng	Nguồn lực con người, văn hóa, tự nhiên
Malaysia	31	27	27	57
Singapore	8	1	11	42
Thái Lan	43	41	35	59
VN	87	84	95	76
QG số 1 TG	Thụy Sĩ	Singapore	USA	Áo

tranh tốt nhất, Malaysia xếp vị trí 27, Thái Lan xếp thứ 41 và VN chúng ta xếp thứ 84. Còn về môi trường kinh doanh, Singapore xếp thứ 11, Malaysia xếp thứ 27, Thái Lan thứ 35 VN xếp thứ 95, tốt nhất thế giới về tiêu chí này là Mỹ. Về năng lực cạnh tranh nguồn lực, Singapore xếp thứ 42, Malaysia xếp thứ 57, Thái

Lan thứ 59 và VN ở vị trí 76 và tốt nhất thế giới là Áo. Như vậy trong ba nhóm chỉ tiêu thì nhóm chỉ tiêu về nguồn lực VN có thứ hạng cao nhất. Trong bảng tổng sắp, số một thế giới về năng lực cạnh tranh du lịch là Thụy Sĩ, Singapore đứng ở vị trí số 8, Malaysia xếp thứ 31, Thái Lan thứ 43 còn VN chúng

Bảng 3: Xếp hạng về khung pháp lý trên 124 điểm đến năm 2007

Quốc gia	Quy định & chính sách	Quy định về môi trường	An ninh & An toàn	Y tế & Vệ sinh	Ưu tiên Du lịch & lữ hành
Malaysia	26	20	26	62	21
Singapore	1	6	7	27	2
Thái Lan	55	39	42	59	25
VN	104	84	51	94	76
QG số 1 TG	Singapore	Đan Mạch	Phần Lan	Hồng Kông	Tunisia

Bảng 4: Xếp hạng về môi trường kinh doanh và cơ sở hạ tầng trên 124 điểm đến năm 2007

Quốc gia	Hạ tầng giao thông hàng không	Hạ tầng giao thông mặt đất	Hạ tầng chung về du lịch	Hạ tầng CNTT và truyền thông	Cạnh tranh về giá cả
Malaysia	27	15	60	37	2
Singapore	16	3	44	18	26
Thái Lan	25	28	53	58	4
VN	90	85	121	88	10
QG số 1 TG	Mỹ	Đức	Áo	Thụy Điển	Indonesia

Bảng 5 : Xếp hạng về nguồn lực con người, văn hóa và tự nhiên trên 124 điểm đến

Quốc gia	Nguồn lực con người	Nhận thức về du lịch quốc gia	Nguồn lực tự nhiên và văn hóa
Malaysia	34	26	101
Singapore	2	47	79
Thái Lan	75	35	75
VN	75	51	84
QG số 1 thế giới	Thụy Sĩ	Mauritania	Đức

Bảng 6: Chỉ số cạnh tranh giá du lịch [3]

Quốc gia	Chỉ số giá khách sạn [4]	Chỉ số PPP [5]	Bình quân HPI và PPP	Chỉ số giá du lịch [6]	Chỉ số cạnh tranh giá du lịch [7]
VN	9,3581	11,4872	10,4227	7,2783	92,7217
Malaysia	0,0000	26,4439	13,2219	12,5018	87,4982
Philipin	17,5603	13,6253	15,5928	16,9257	83,0743
Xingapo	21,0544	47,8188	34,4366	52,0886	47,9114
Thái lan	4,9096	16,8272	10,8684	8,1100	91,8900

Nguồn: Theo dõi khả năng cạnh tranh 2004 của WTTC

ta ở vị trí 87 trên 124 điểm đến.

Trước mắt, mối đe dọa xuất phát từ khả năng cạnh tranh khốc liệt của các doanh nghiệp du lịch lớn trong khu vực do tận dụng tính kinh tế nhờ quy mô được giảm nhẹ phần nào vì VN vẫn có khả năng cạnh tranh về giá cả. Khả năng cạnh tranh về giá của VN chủ yếu dựa trên cơ sở nền sản xuất nhỏ có giá cả thấp, thường là đặc trưng của các nước có thu nhập thấp. Ở VN, khách du lịch sẽ cần một lượng USD thấp hơn để mua cùng một giỏ hàng hóa hoặc dịch vụ. Tuy nhiên, đối với các khoản chi phí chính liên quan tới du lịch, như phòng ngủ và vé máy bay, một khoản chi tiêu lớn nhất của khách du lịch, thì hai đối thủ cạnh tranh chính của VN là Malaysia và Thái Lan vẫn có mức giá cạnh tranh hơn VN. Mức độ cạnh tranh về giá phòng ngủ được xác định trên cơ sở chỉ số giá khách sạn. Thái Lan là nước cạnh tranh nhất về giá khách sạn trong khu vực. Một điểm đáng lưu ý là Thái Lan là nước hấp dẫn du lịch nhất trong khu vực, với thị phần lớn nhất. Mặc dù VN có mặt bằng giá cả chung thấp hơn Thái Lan, VN không cạnh tranh được về giá so với Thái Lan, xét trên phương diện giá của các loại chi phí du lịch chính.

Đánh giá và nhận xét chung về năng lực cạnh tranh điểm đến :

Qua phân tích thực trạng năng lực cạnh tranh điểm đến và phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội và những thách thức của du lịch VN trong sự so sánh với 3 nước trong khối ASEAN bao gồm Singapore, Malaysia, Thái Lan là những đối thủ cạnh tranh trực tiếp của du lịch VN chúng ta thấy rằng năng lực cạnh tranh chung của VN còn ở mức thấp 87/124 nước trong khi đó Singapore là 8/124, Malaysia là 31/124 và Thái Lan là 43/124. Và trong các tiêu chí mà chúng ta có thứ hạng cao hơn và là những thế mạnh của chúng ta là an ninh an toàn đạt vị trí 51/124 ; nguồn lực tự nhiên và văn hóa đạt 84/124 về tiêu chí này chúng ta đạt cao hơn Malaysia với vị trí 101/124 và chúng ta gần tương đương với Thái Lan 75/124. Tiếp theo chúng ta còn có thứ hạng cao đó là khả năng cạnh tranh về giá đạt vị trí 10/124 và nhận thức về du lịch quốc gia đạt 76/124 nước. Còn năng lực cạnh tranh kém nhất của du lịch VN là quy định và chính sách 101/124, y tế và vệ sinh 94/124 và hạ tầng chung về du lịch xếp 121/124 nước có nghĩa là về hạ tầng du lịch chúng ta còn thiếu và yếu được xếp ở cuối bảng xếp hạng.

Các giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch VN

Trên cơ sở thực trạng năng lực cạnh tranh và phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội và thách thức của du lịch VN để nâng cao năng lực cạnh của điểm đến du lịch VN theo chúng tôi chúng ta cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Đổi mới và không ngừng hoàn thiện khung pháp lý và các chính sách liên quan đến du lịch như chính sách tiền tệ, chính sách đầu tư, xuất nhập cảnh, hải quan theo hướng tạo mọi thuận lợi cho du khách.

Rà soát lại toàn bộ hệ thống quy phạm pháp luật để phát hiện những bộ luật nào chồng chéo, mâu thuẫn thì hủy bỏ, đổi mới và không ngừng hoàn thiện môi trường pháp lý và các chính sách liên quan đến du lịch như tỷ giá hối đoái, chính sách đầu tư, từng bước nới lỏng chính sách thị thực một cách hợp lý phù hợp với những cam kết của VN khi gia nhập WTO và Luật đạo đức du lịch thế giới của UNWTO theo hướng tạo điều kiện thuận lợi nhất cho du khách.

2. Xây dựng chiến lược cạnh tranh điểm đến cả trung và dài hạn để nâng cao năng lực cạnh tranh của VN như một điểm đến mới đầy hấp dẫn của khu vực và thế giới.

Trên cơ sở phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của du lịch VN tiến hành xây dựng chiến lược marketing du lịch cho du lịch VN đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020; trong đó phải xác định được những thị trường du lịch trọng điểm, với thế mạnh về đa dạng sinh học, địa hình, bản sắc văn hóa và truyền thống lịch sử oai hùng xây dựng chiến lược sản phẩm du lịch theo hướng du lịch biển, du lịch sinh thái kết hợp với du lịch văn hóa, lịch sử để tạo ra những sản phẩm du lịch độc đáo hấp dẫn du khách của những thị trường trọng điểm này.

3. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực du lịch để nâng cao tính chuyên nghiệp và nâng cao chất lượng dịch vụ. Có thể nói rằng, nguồn lực con người là yếu tố quan trọng nhất mang tính quyết định để nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao chất lượng sản phẩm và chất lượng dịch vụ du lịch. Đó là đội ngũ lao động đủ về số lượng, cơ cấu hợp lý, cân đối, được đào tạo bài bản về chuyên môn, nghiệp vụ, có tính chuyên nghiệp cao, có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề. Muốn vậy Nhà nước phải tăng cường sự quản lý về công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực du lịch, từng bước chuẩn hóa đội ngũ lao động trong ngành

du lịch trong tất cả các lĩnh vực và ngành nghề du lịch theo yêu cầu thực tế ở trong nước, phù hợp với hệ thống tiêu chuẩn quốc tế trước hết là bộ tiêu chuẩn nghề của Hiệp hội Du lịch ASEAN để tạo điều kiện hội nhập quốc tế của đội ngũ lao động du lịch. Do vậy phải phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo, bồi dưỡng với cơ sở vật chất tốt để đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo sự cân đối giữa các cấp, bậc đào tạo, ngành nghề đào tạo và có sự phân bố hợp lý giữa các vùng miền; tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước nhất là dự án phát triển nguồn nhân lực du lịch VN do Ủy ban Châu Âu tài trợ.

4. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đặc biệt là cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành du lịch với nhiều hình thức huy động vốn khác nhau. Qua đánh giá năng lực cạnh tranh ở phần trên chúng ta thấy rằng cơ sở hạ tầng du lịch còn thiếu và kém chất lượng nhất là thiếu trầm trọng các khách sạn cao cấp, các trung tâm hội nghị lớn, các trung tâm mua sắm, trung tâm vui chơi giải trí phục vụ khách du lịch MICE; còn thiếu nhiều đường bay thẳng đến với các nước đã làm cho phí máy bay cao hơn so với các nước trong khu vực. Do vậy Nhà nước phải có nhiều cơ chế, chính sách để khuyến khích và thu hút vốn đầu tư khác nhau từ các thành phần kinh tế để xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch.

5. Xây dựng và phát triển hệ thống sản phẩm du lịch đa dạng và độc đáo mang đậm bản sắc văn hóa VN, đảm bảo phát triển du lịch bền vững. Tài nguyên du lịch VN rất đa dạng cả về tài nguyên thiên nhiên cũng như tài nguyên nhân văn nhưng do phát triển thiếu quy hoạch và định hướng do đó chúng ta đã làm ảnh hưởng đến môi trường và phá vỡ tính gắn kết giữa tài nguyên nhân văn và tài nguyên thiên nhiên, chính điều này chúng ta làm mất đi những sản phẩm độc đáo và mang đậm bản sắc văn hóa VN mà mới chỉ đạt ở mức độ khai thác những gì sẵn có, cho nên sản phẩm du lịch VN còn đơn điệu làm du khách quốc tế cảm nhận nhàm chán, điều này giải thích vì sao tỷ lệ du khách quốc tế trở lại lần thứ hai là rất thấp. Do vậy xây dựng sản phẩm du lịch đa dạng và độc đáo đảm bảo phát triển bền vững là nhân tố quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh của du lịch VN.

6. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường, xây dựng thương hiệu điểm đến và hoạt động xúc tiến du lịch trên thị trường du lịch thế giới. Việc này đòi hỏi phải thực hiện một cách hệ thống đồng bộ từ nghiên cứu thị trường, xây dựng sản phẩm, chương trình du lịch, xây dựng thương hiệu cho đến quảng bá sản

phẩm. Việc này cần phải thực hiện trên cơ sở phối hợp, hợp tác chặt chẽ giữa Tổng cục Du lịch, các sở văn hóa, thể thao và du lịch, các doanh nghiệp lữ hành, khách sạn nói riêng và các Bộ ban ngành khác nói chung thì công tác xúc tiến và quảng bá du lịch mới có hiệu quả ■

Chú thích

- [1] Diễn đàn kinh tế thế giới, Báo cáo cạnh tranh toàn cầu 2006.
- [2] Viện Nghiên cứu Phát triển Quản lý (IMD), Niên giám cạnh tranh thế giới 2005.
- [3] Chỉ số cạnh tranh giá du lịch (TPCI) cho biết chỉ số giá du lịch của các quốc gia, trong đó giá trị chỉ số = 0 dành cho quốc gia ít có khả năng cạnh tranh nhất trong khi 100 là quốc gia có khả năng cạnh tranh mạnh nhất. Chỉ số này được tính bằng cách tổng hợp hai chỉ số là chỉ số giá khách sạn và chỉ số sức mua tương đương.
- [4] Chỉ số giá khách sạn năm 2004. '0' đối với quốc gia rẻ nhất và '100' cho quốc gia đắt nhất.
- [5] Chỉ số sức mua tương đương cho biết số USD cần thiết để mua cùng một lượng hàng hoá dịch vụ ở thị trường trong nước tương đương với 1 USD mua ở thị trường Mỹ năm 1991. *Nguồn:* Ngân hàng Thế giới (2004), Các chỉ số phát triển thế giới.
- [6] Chỉ số giá du lịch cho biết giá cả du lịch tại các quốc gia khác nhau. Nó cũng được tính toán dựa trên chỉ số giá khách sạn và chỉ số sức mua tương đương. '0' đối với quốc gia rẻ nhất và '100' cho quốc gia đắt nhất.
- [7] Chỉ số cạnh tranh giá du lịch cho biết khả năng cạnh tranh về giá tương đối giữa các quốc gia. Chỉ số này được tính toán sử dụng chỉ số giá khách sạn và chỉ số ngang giá sức mua. Đó là phép nghịch đảo của chỉ số giá du lịch với '0' là kém khả năng cạnh tranh về giá nhất và 100 là có khả năng cạnh tranh giá cao nhất.

Tài liệu tham khảo

1. Crouch, Geoffrey I., and J.R. Brent Ritchie. 2003. *The Competitive Destination: A Sustainable Tourism Perspective*, CABI Publishing.
2. IMD. 2005. *World Competitiveness Yearbook*, International Institute for Management Development, 2005
3. Porter, Michael E. 1990. *The Competitive Advantage of Nations*, The Free Press, A Division of Simon & Schuster Inc.
4. WEF : *The Travel and Tourism Competitiveness Report 2007-2008*.
5. Phạm Hồng Chương và nhóm tác giả của ĐHKQTĐ, *Khả năng cạnh tranh và tác động của tự do hóa ngành du lịch* trong khuôn khổ của dự án "Tăng cường năng lực quản lý và xúc tiến các hoạt động thương mại dịch vụ của VN trong bối cảnh hội nhập" (Vie/02/009) do Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc VN tài trợ.
6. Nguyễn Đình Hòa, *Xác định vai trò của du lịch VN trong nền kinh tế quốc dân theo quan điểm tiếp cận tài khoản vệ tinh TSA*, Tạp chí *Kinh tế & Phát triển* số 128, 2/2008